

Bản án số: 05/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 20/9/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn và giải quyết nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ-TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Bá Sơn và ông Nguyễn Văn Hữu.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Danh Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Hôm nay vào hồi 07 giờ 45 phút, ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở- Toà án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim G, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Anh Phạm Văn G1, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Kim G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim G và anh Phạm Văn G1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã H, huyện H vào ngày 09/01/2012, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình bên nội ở Thôn H, xã H được một thời gian đến khoảng đầu năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau trong cách sống và sinh hoạt, mỗi người một quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến thiếu tôn trọng nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt, xa cách. Đến khoảng tháng 10 năm 2014 thì chị G bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn L, xã X, huyện N sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy đời sống hôn nhân không còn duy trì trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giang.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Trần Hà M, sinh ngày 12/12/2012, ly hôn chị có nguyện vọng được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh G1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phạm Văn G1, nhưng anh G1 vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể lấy được lời khai cũng như không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh G1 cư trú thì được thôn trưởng Thôn H, xã H cho biết: Sau khi kết hôn vợ chồng anh G1 về chung sống với gia đình bên nội ở Thôn H được khoảng 02 năm thì xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau nên chị G đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay cũng đã được hơn 04 năm rồi nhưng không thấy chị G trở về chung sống với anh G1 nữa, còn nguyên nhân cụ thể thế nào thì chúng tôi không rõ.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Kim G vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên. Riêng đối với yêu cầu nuôi con chung thì chị thể theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn ở với bố và ông bà nội thì chị cũng đồng ý và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim G đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 BLTTDS năm 2015 như giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; Nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án; Có mặt làm việc theo thông báo của Tòa án. Bị đơn anh Phạm Văn G1: Quá trình làm việc không hợp tác, không tham gia các phiên họp theo giấy triệu tập là vi phạm quy định tại Điều 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị Kim G và anh Phạm Văn G1. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Hà M cho anh Phạm Văn G1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù, anh G1 không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nhưng cháu Hà M là con chung của vợ chồng nên chị G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh Giang. Xét thấy chị G đang làm nghề tự do thu nhập không cao nên đề nghị chị G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 24, khoản 1 Điều 25; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị Kim G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị Kim G khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn G1, anh G1 có địa chỉ cư trú tại Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 27/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà thụ lý vụ án, ngày 02/8/2019 Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn G1 nhưng anh G1 không có mặt ở nhà, vì vậy Tòa án đã cùng với đại diện chính quyền địa phương xã H đã lập biên bản và tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án. Tòa án tiến hành xác minh đối với ông Phạm Thái H (là cha đẻ của anh Phạm Văn G1), ông H cho biết anh G1 hiện đang sống cùng với vợ chồng ông, ông có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh G1 biết nội dung sự việc nhưng việc anh G1 không đến Tòa án để làm việc thì ông không biết lý do vì sao.

Tại phiên tòa ngày 13/9/2019, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn anh Phạm Văn G1 vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 20/9/2019, bị đơn anh Phạm Văn G1 vẫn vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim G và anh Phạm Văn G1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị G và anh G1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị G trình bày thì do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống anh G1 không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vì thế chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Thôn L, xã X, huyện N sinh sống được khoảng 05 năm, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy quá trình vợ chồng sống ly thân nhưng anh G1 không hề có động thái nào để hàn gắn tình cảm, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Trần Thị Kim G yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Do vậy, nên xử chấp nhận ly hôn giữa chị Trần Thị Kim G và anh Phạm Văn G1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình

[3]. *Về con chung*: Chị Trần Thị Kim G và anh Phạm Văn G1 có 01 người con chung là cháu Phạm Trần Hà M, sinh ngày 12/12/2012. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải chị G có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G1 cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay chị G trình bày hiện tại cháu Hà M đang ở với bố và ông bà nội nếu cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội thì chị cũng hoàn toàn đồng ý.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Phạm Thái H cha đẻ của anh Phạm Văn G1, đồng thời là ông nội của cháu Phạm Trần Hà M, ông H cho biết kể từ ngày chị G bỏ về nhà bên ngoại sinh sống thì cháu Hà M được anh G1 cùng với ông Phạm Thái H và bà Phạm Thị N (bà nội của cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mọi chi phí nuôi dưỡng cháu Hà M là do anh G1 cùng với ông H và bà N chi trả, hiện cháu đang có cuộc sống ổn định và phát triển tốt. Hơn nữa gia đình ông Phạm Thái H và bà Phạm Thị N không thuộc diện hộ nghèo, có lối sống đạo đức tốt, ông H và bà N cam kết sẽ hỗ trợ cho anh G1 trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà M với những điều kiện tốt nhất. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Phạm Trần Hà M cháu trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội vì từ ngày mẹ bỏ đi, cháu sống với bố cùng với ông bà nội từ đó đến nay. Bố và ông bà là người thường xuyên chăm sóc, đưa đón cháu đi học và hiện cháu đang học lớp 2 trường tiểu học Thạch Hương. Trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc anh Phạm Văn G1 không hợp tác, tuy nhiên vào ngày 17/9/2019 anh có đơn gửi đến Tòa án trình bày nguyện vọng với nội dung anh không muốn ly hôn nhưng trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu Phạm Trần Hà M, ý kiến của chị G và đơn trình bày của anh G1, Hội đồng xét xử xét thấy rằng để đảm bảo sự ổn định và phát triển một cách toàn diện cho cháu Phạm Trần Hà M, Tòa án cần giao cháu Hà M cho anh Phạm Văn G1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4].*Về cấp dưỡng nuôi con*: Tuy anh G1 không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng cháu Hà M là con chung của vợ chồng, hơn nữa chị G không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nên chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G1 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa chị G trình bày hiện chị đang là lao động tự do, thu nhập lại không ổn định, nguyện vọng của chị là cấp dưỡng cho cháu Phạm Trần Hà M số tiền 1.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy rằng căn cứ vào điều kiện thu nhập thực tế cũng như giá cả, mức sinh hoạt tại địa phương nơi cháu Hà M đang sinh sống thì mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ mà chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận.

[5].*Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6].*Về án phí*: Chị Trần Thị Kim G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim G.

[1]. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Kim G được ly hôn với anh Phạm Văn G1.

[2].*Về con chung*: Giao con chung Phạm Trần Hà M, sinh ngày 12/12/2012 cho anh Phạm Văn G1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Trần Thị Kim G có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị Kim G được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm hay cản trở.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Phạm Văn G1 có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Trần Thị Kim G không chịu đóng tiền cấp dưỡng nuôi con

như trên hoặc đóng không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên miễn xét.

[4]. *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị Kim G phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng, nhưng chị G được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003420, ngày 29/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Trần Thị Kim G còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Văn G1 không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn G1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã H, Thạch Hà(xóa đăng ký);
- Các Đương sự;
- Văn phòng Tòa án (để công bố công TTĐT)
- Lưu HSVA+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hoàn